

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày: 08/6/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUÂN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hôi thâm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Soan
2. Ông Phạm Nguyễn Anh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy An - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 6 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 578/2020/TLST-DS ngày 11 tháng 12 năm 2020, về: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 118/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT; Địa chỉ trụ sở: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 08, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Lầu 8, số 266-268 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 08, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn*: Ông Lê Huỳnh D, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Số 128/5/5 đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, có ông Trần Đức T trình bày:

Ngày 11/8/2011, ông Lê Huỳnh D có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của ông D, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 8.000.000 (Tám triệu) đồng, với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng. Lãi suất được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.570.000 (Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi ngàn) đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt đến nay ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 27.097.000 (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn) đồng. Kể từ ngày 25/8/2016, ông D không thanh toán cho Ngân hàng nữa. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông D vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 26/10/2016 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT khởi kiện yêu cầu ông D phải thanh toán số tiền tính đến ngày 08/6/2022 là: 17.917.043 (Mười bảy triệu chín trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi ba) đồng. Trong đó, nợ gốc là: 5.588.627 (Năm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng và lãi quá hạn là: 12.328.416 (Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu) đồng. Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT yêu cầu ông D phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 09/6/2022 cho đến khi trả hết nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn - ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt không tham gia phiên tòa được và nộp bản tự khai xác định Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT yêu cầu ông Lê Huỳnh D phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 08/6/2022 số tiền như trên. Ngân hàng yêu cầu ông Lê Huỳnh D trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra, yêu cầu ông Lê Huỳnh D phải có trách nhiệm tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến ngày ông D thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng.

Bị đơn ông Lê Huỳnh D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập để tham gia phiên tòa nhưng ông Lê Huỳnh D vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng; thực hiện việc gửi các văn bản tố tụng, hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71; bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do đương sự xuất trình và do Tòa án thu thập được: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT khởi kiện ông Lê Huỳnh D, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số 128/5/5 đường Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh về việc yêu cầu ông D phải trả tiền nợ gốc và nợ lãi phát sinh còn thiếu cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT. Đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh, nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về tố tụng:

Về người tham gia tố tụng: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT - ông Trần Đức T là người đại diện theo ủy quyền có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Bị đơn ông Lê Huỳnh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ từ khi thụ lý đến khi xét xử nhưng ông D vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Do ông Lê Huỳnh D không có mặt theo Giấy triệu tập của Tòa án nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến của ông D, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2011 đã đủ cơ sở xác định ông Lê Huỳnh D được Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT cấp thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là: 8.000.000 (Tám triệu) đồng.

Căn cứ vào bảng tóm tắt sao kê quá trình thanh toán ngày 08/6/2022 do Ngân hàng cung cấp thể hiện: Từ ngày kích hoạt đến nay, ông D đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là: 15.570.000 (Mười lăm triệu năm trăm bảy mươi ngàn) đồng, ông D đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền bao gồm gốc, lãi, phí và phí trễ hạn là 27.097.000 (Hai mươi bảy triệu không trăm chín mươi bảy ngàn) đồng. Từ ngày 25/8/2016, ông D không thanh toán một khoản tiền nào cho Ngân hàng nữa nên đã phát sinh phí trễ hạn, lãi. Đến ngày 26/10/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán là: 5.588.627 (Năm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng ($2.15\% \times 150\%$) từ ngày Ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ cho đến tạm tính đến ngày 08/6/2022 là: 17.917.043 (Mười bảy triệu chín trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi ba) đồng. Trong đó, nợ gốc là: 5.588.627 (Năm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng và lãi quá hạn là: 12.328.416 (Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu) đồng.

Xét thấy, việc ông Lê Huỳnh D không thanh toán tiền cho Ngân hàng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận giữa các bên và làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Lê Huỳnh D phải trả số tiền trên là có căn cứ. Mặt khác, xét về trách nhiệm trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy đây là khoản vay dưới hình thức thẻ tín dụng cá nhân và nguyên đơn chỉ yêu cầu ông D có trách nhiệm trả nợ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Lê Huỳnh D phải có trách nhiệm trả số tiền tính đến ngày 08/6/2022 là: 17.917.043 (Mười bảy triệu chín trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi ba) đồng. Trong đó, nợ gốc là: 5.588.627 (Năm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng và lãi quá hạn là: 12.328.416 (Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu) đồng. Ngân hàng yêu cầu ông Lê Huỳnh D trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật. Và ông Lê Huỳnh D còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày ông D thanh toán hết số nợ vay. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT được chấp nhận nên ông Lê Huỳnh D phải chịu tiền án phí là 895.852 (Tám trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai) đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 328.668 (Ba trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0027626 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 357, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 và Điều 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí;
- Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT:

Ông Lê Huỳnh D có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tính đến ngày 08/6/2022 là: 17.917.043 (Mười bảy triệu chín trăm mười bảy ngàn không trăm bốn mươi ba) đồng. Trong đó, nợ gốc là: 5.588.627 (Năm triệu năm trăm tám mươi tám ngàn sáu trăm hai mươi bảy) đồng và lãi quá hạn là: 12.328.416 (Mười hai triệu ba trăm hai mươi tám ngàn bốn trăm mười sáu) đồng. Trả một lần ngay khi sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày 09/6/2022 cho đến ngày thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT, ông Lê Huỳnh D còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 11/8/2011 cho đến ngày thi hành án xong.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Huỳnh D phải chịu tiền án phí là 895.852 (Tám trăm chín mươi lăm ngàn tám trăm năm mươi hai) đồng.

- Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Sài Gòn TT số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 328.668 (Ba trăm hai mươi tám ngàn sáu trăm sáu mươi tám) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2019/0027626 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

4. Về nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp.HCM;
- VKSND quận Gò Vấp;
- Chi cục THADS quận Gò Vấp;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Mộng Tuyền